TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:17/2019/KDTM-ST Ngày 27-11-2019 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà L Thị Thiên Nga

Bà Phạm Thị Thao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 649/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 676/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T, phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Kiên T, ông Hoàng Ngọc C, Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Xuân T; chức vụ: Đều là cán bộ xử lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, theo văn bản ủy quyền số 043/2018/GUQ-TPB.BĐH ngày 21/3/2018; ông C, ông H, ông T vắng mặt; ông Nguyễn Kiên T; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H; nơi ĐKHKTT: Đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng (Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P; địa chỉ trụ sở: Đường P, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị G; nơi cư trú: Thôn S, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Quốc Tvà bà Bùi Thị L; nơi cư trú: Đường C, khu T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; ông T vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt), bà L vắng mặt.

+ Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T; địa chỉ trụ sở: Đường C, khu T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T: Ông Giang Đức H; nơi cư trú: N, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng - Là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (sau đây gọi tắt là TPBank) trình bày:

Ngày 22/3/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (sau đây gọi tắt là TPBank) và Doanh nghiệp Tư nhân P (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) do bà Nguyễn Thị H là Chủ Doanh nghiệp đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01220311CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 22/3/2011 và các khế ước nhận nợ để Doanh nghiệp vay vốn tại TPBank với hạn mức 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng. Theo đó, TPBank đã giải ngân cho Doanh nghiệp theo các khế ước nhận nợ sau:

- Giấy nhận nợ ngày 22/3/2011, hạn mức 1.000.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền cho Công ty TNHH Q theo Hợp đồng kinh tế số 1/7/QH-PL ngày 01/7/2011; lãi suất 25%/năm, lãi suất thay đổi theo quy định của TPBank; lãi quá hạn 37,5%/năm; thời hạn 06 tháng kể từ ngày giải ngân.

- Giấy nhận nợ ngày 12/9/2011, hạn mức 1.000.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền cho Công ty CP TM và VT T theo hợp đồng kinh tế số 18/TL-PL ngày 18/9/2011; lãi suất 23%/năm, lãi suất thay đổi theo quy định của TPBank; lãi quá hạn 34,5%/năm; thời hạn 06 tháng kể từ ngày giải ngân.

- Giấy nhận nợ ngày 21/9/2011, hạn mức 1.000.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền cho Công ty CP TM và VT T theo hợp đồng kinh tế số 18/TL-PL ngày 18/9/2011; lãi suất 23%/năm, lãi suất thay đổi theo quy định của TPBank; lãi quá hạn 34,5%/năm; thời hạn 06 tháng kể từ ngày giải ngân.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên bao gồm:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487; tờ bản đồ số 10; diện tích 837m^2 và tài sản trên đất là ngôi nhà 01 tầng diện tích 170 m^2; tại địa chỉ: Thôn Sâm Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC057913, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00362-KT-08-Q1 do Uỷ ban nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/11/2005 cho bà Trương Thị G.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất 100m^2 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Xã Đông Hải, huyện An Hải , thành phố Hải Phòng (nay là số 144 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số SOA 880679, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00709.QSDĐ do Uỷ ban nhân dân huyện An Hải, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/6/19 93 cho ông Nguyễn Quốc T.

Các tài sản bảo đảm nêu trên đều đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, TPBank đã giải ngân cho Doanh nghiệp số tiền 3.000.000.000 đồng. Do kinh doanh kém hiệu quả nên Doanh nghiệp mới thanh toán cho TPBank số tiền lãi 195.350.305 đồng. Từ tháng 03 năm 2012 cho đến nay, toàn bộ khoản nợ của doanh nghiệp đã chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù TPBank đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp, và tạo điều kiện để Doanh nghiệp và bên thế chấp có kế hoạch trả nợ, tất toán khoản vay. Tuy nhiên, đến nay doanh nghiệp vẫn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, TPBank đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P phải trả cho TPBank số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01220311CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 22/3/2011 là 9.687.309.419 (chín tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm linh chín nghìn, bốn trăm mười chín) đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; n ợ lãi trong hạn: 150.663.585 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.536.645.833 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P tiếp tục phải trả khoản tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi doanh nghiệp thanh toán hết nợ cho TPBank.

3. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì TPBank được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 487; tờ bản đồ số 10; diện tích: 837 m^2 và tài sản trên đất là ngôi nhà 01 tầng diện tích 170 m^2; tại địa chỉ: Thôn Sâm Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng được cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC057913, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00362-KT-08-Q1 do Uỷ ban nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/11/2005 cho bà Trương Thị G.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất 100m^2 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Xã Đông Hải, huyện An Hải , thành phố Hải Phòng (nay là số 144 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số SOA 880679, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00709.QSDĐ do Uỷ ban nhân dân huyện An Hải, Hải Phòng cấp ngày 19/6/1993 cho ông Nguyễn Quốc T.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P đối với TPBank. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị H – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho TPBank.

Trong quá trình giải quyết TPBank yêu cầu bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P phải phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 382.540.983 đồng. Tuy nhiên ngày 18/10/2019 TPBank xin rút đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P nhưng bà Hiến không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị G trình bày:*

Ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị G xác nhận đã ký hợp đồng Ủy quyền số 872/HĐUQ-LTTM, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/10/2011 cho bà Nguyễn Thị H và Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng ủy quyền số công chứng 763/SĐBSHĐUQ-LTTM, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/8/2011 với nội dung: Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H ký kết hợp đồng thế chấp tài sản của ông, bà là diện tích đất 837m^2 tại địa chỉ: Thôn Sâm Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất 1.627m^2 để đảm bảo cho khoản vay của Doanh nghiệp tại TPBank. Tuy nhiên, đến ngày 29/9/2017, ông bà đã tặng cho các con là anh Nguyễn Văn Thái, chị Nguyễn Thị H một phần trong tổng diện tích đất nói trên theo Quyết định số 2391/QĐ-UB ngày 15/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, diện tích đất còn lại hiện nay thuộc sở hữu của ông K và bà Gấy là 837m^2; và hiện do ông bà đang quản lý, sử dụng; không thay đổi gì so với thời điểm thế chấp, không cơi nới, sửa chữa, không tặng cho, không chuyển

nhượng và không có tranh chấp với ai. Quan điểm của ông K và bà Gấy đề nghị được thỏa thuận với TPBank để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm của ông, bà tại TPBank và xin được giải chấp tài sản thế chấp trên; trường hợp không thỏa thuận được, thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc Ttrình bày:

Ông Nguyễn Quốc Txác nhận: Ông và bà Bùi Thị L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 1990. Đối với tài sản của ông, bà là nhà đất tại địa chỉ: Xã Đông Hải, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là số 144 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) thì theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Uỷ ban nhân dân huyện An Hải, Hải Phòng cấp ngày 19/6/1993 chỉ mang tên một mình ông Nguyễn Quốc T. Ngày 22/3/2011, ông T và bà L đã sử dụng tài sản trên thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02220311/HĐTC-BĐS/HP.11 để bảo đảm cho khoản vay của Doanh nghiệp tại TPBank. Thời điểm ký hợp đồng thế chấp, vợ chồng ông T hoàn toàn tự nguyện; tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo cùng ngày tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Phòng Tài nguyên và môi trường quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Số tiền vay tại TPBank, bà Hiến - chủ Doanh nghiệp là người trực tiếp nhận, sau đó, bà Hiến đã đưa cho ông T vay lại số tiền 1.000.000.000 đồng cho đến nay.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần đối với bà L nhưng bà L không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngôi nhà trên được ông T, bà L xây năm 1991, thời điểm ký Hợp dồng thế chấp tài sản trên diện tích đất 100m^2 vợ, chồng ông đã có ngôi 01 nhà xây lệch tường, phía trước 01 tầng mái bằng, phía sau là nhà 02 tầng lợp tôn, tuy nhiên do xây dựng không có giấy phép nên không được ghi vào Hợp đồng thế chấp. Hiện nhà tại: Xã Đông Hải, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là số 144 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) đã được ông T cho Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T thuê từ ngày 01/4/2019 cho đến nay để làm Văn phòng, có Hợp đồng thuê. Khi cho thuê, ông T không thông báo cho TPBank biết. Đến nay, nhà đất trên không thay đổi so với thời điểm thế chấp, không tranh chấp với ai. Do Doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại TPBank, nên TPBank khởi kiện Doanh nghiệp tại Tòa án. Quan điểm của ông T: Việc trả nợ cho TPBank thuộc trách nhiệm của bà Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, ông T đề nghị TPBank tạo điều kiện để ông T được nộp số tiền 1.700.000.000 đồng và được giải chấp tài sản đứng tên ông Nguyễn Quốc T. Trường hợp TPBank không đồng ý thì ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T:

Công ty, xác nhận có ký hợp đồng thuê nhà tại địa chỉ: Xã Đông Hải, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là số 144 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) với ông Nguyễn Quốc T để làm văn phòng với giá 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 12 tháng kể từ 01/4/2019. Việc thuê nhà là thỏa thuận cá nhân về các điều khoản thuê nhà, nếu có phát sinh Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Vì vậy, Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T không có liên quan gì đến vụ án.

Ngày 16/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng đã xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm theo Quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, thể hiện: Hiện trạng tài sản bảo đảm tại địa chỉ: Thôn Sâm Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng vẫn do ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị G quản lý sử dụng, không thay đổi gì so với thời điểm thế chấp tài sản tại TPBank.

Ngày 04/9/2019, Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm theo Quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, thể hiện: Tại địa chỉ: Xã Đông Hải, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là số 144 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) có tài sản là: Quyền sử dụng diện tích 100m^2 đất của thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02 Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số SOA 880679 do Uỷ ban nhân dân huyện An Hải, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/6/1993 đứng tên ông Nguyễn Quốc T, trên diện tích đất là 01 nhà xây lệch tường, phía trước 01 tầng mái bằng, phía sau là nhà 02 tầng lợp tôn được xây dựng trên toàn bộ diện tích 100m^2 đất.Thời điểm thế chấp đã có ngôi nhà trên, tuy nhiên do xây dựng không có giấy phép nên không được ghi vào Hợp đồng thế chấp. Hiện tại ngôi nhà trên được ông T cho Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T thuê để làm văn phòng. Hiện nay, nhà và đất không thay đổi gì so với thời điểm thế chấp tại TPBank.

Tại phiên toà:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về số tiền lãi phạt chậm trả là 382.540.983 đồng ; và rút một phần đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là : Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 487; tờ bản đồ số 10; diện tích: 837m^2; tại địa chỉ: Thôn Sâm Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC057913, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00362-KT-08-Q1 do Uỷ ban nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/11/2005 đứng tên bà Trương Thị G do đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm vào ngày 12/11/2019.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ theo

Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01220311CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 22/3/2011 là: 9.687.309.419 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 150.663.585 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.536.645.833 đồng. Bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P tiếp tục phải trả khoản tiền lãi, theo đúng thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P thanh toán hết nợ cho TPBank. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì TPBank được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất 100m^2 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Xã Đông Hải, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là số 144 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng); toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P đối với TPBank. Trong trường hợp nếu phát mại còn thừa sẽ trả lại cho ông Nguyễn Quốc Tvà bà Bùi Thị L. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho TPBank.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quốc Tcó đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án; bà Bùi Thị L vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

- Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, không tham gia phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Văn Kvà bà Trương Thị G, quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, ngày 13/11/2019 ông K, bà Gấy đã nộp số tiền 1.500.000.000 đồng và được TPBank giải chấp tài sản. Do vậy, Nguyễn Văn Kvà bà Trương Thị G không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập chứng cứ trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 121, 122, 342, 351, 355, 471, 473, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của TPBank buộc: Bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P phải trả cho TPBank tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01220311CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 22/3/2011là: 9.687.309.419 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 150.663.585 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.536.645.833 đồng. Trường hợp bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì TPBank được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 100m^2 đất tại địa chỉ: Xã Đông Hải, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là số 144 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) đứng tên ông Nguyễn Quốc T.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của TPBank về khoản tiền phạt chậm trả 382.540.983 đồng; và đình chỉ yêu cầu giải quyết xử lý đối với tài sản bảo đảm là nhà đất tại thửa đất số: 487; tờ bản đồ số 10; diện tích: 837 m2, tại địa chỉ: Thôn Sâm Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC057913, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00362-KT-08-Q1 do Uỷ ban nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 /11/2005 đứng tên bà Trương Thị G do đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với TPBank vào ngày 12/11/2019, nên ngày 13/11/2019TPBank đã giải chấp tài sản.

Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án:

[1] Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P; nơi cư trú: Số 29A/246B đường Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vay vốn TPBank với mục đích để kinh doanh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải

Phòng theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 25 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền thụ lý vụ án; đến ngày 18 tháng 10 năm 2019, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc xác định tư cách đương sự trong vụ án:

[3] Doanh nghiệp Tư nhân P là Doanh nghiệp tư nhân do bà Nguyễn Thị H làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 183; khoản 3, khoản 4 Điều 185 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P là bị đơn trong vụ án.

[4] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng khác cho bị đơn với lý do bị đơn không còn hoạt động tại địa chỉ trên. Như vậy, bị đơn thay đổi địa chỉ nơi cư trú nhưng không báo, không công bố công khai địa chỉ trụ sở với nguyên đơn và Tòa án biết để liên lạc. Do đó, bị đơn thuộc trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

+ Về việc thay đổi người tham gia tố tụng:

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định bà Trương Thị G và ông Nguyễn Văn Klà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, ngày 12/11/2019 chủ tài sản bảo đảm đã thực hiện nghĩa vụ trả TPBank số tiền 1.500.000.000 đồng, nên TPBank đã giải chấp tài sản bảo đảm trên của bà Trương Thị G và ông Nguyễn Văn K. Vì vậy, sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Trương Thị G và ông Nguyễn Văn Kkhông còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nữa.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[6] Bị đơn bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P vắng mặt lần hai không có lý do, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc Tcó đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bà Bùi Thị L, người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 649/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 676/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019 nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L, người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T vắng mặt tại

phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về pháp luật áp dụng:

[7] Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01220311CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 22/3/2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và Doanh nghiệp Tư nhân P được ký kết, thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 khi giải quyết tranh chấp áp dụng Bộ luật Dân sự 2005.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

[8] Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01220311CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 22/3/2011 và các khế ước nhận nợ được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật theo các điều 121,122, 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng theo quy định tại Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

+ Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

[9] Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn tại Giấy nhận nợ ngày 12/9/2019; giấy nhận nợ ngày 21/9/2019; giấy nhận nợ ngày 23/9/2019 của Doanh nghiệp đã nhận số tiền 3.000.000.000 đồng. Nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như đã cam kết. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 7 của Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng sao kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo hợp đồng tín dụng đã ký của bị đơn, được tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử 27/11/2019. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn, căn cứ các điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng.

+ Xét yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

[10] Việc các bên thỏa thuận mức lãi suất vay tại các hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo các bên cam kết trong hợp đồng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay, xác định: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/11/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền nợ lãi trong hạn: 150.663.585 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.536.645.833 đồng. Xét, cần chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn của nguyên đơn đối với bị đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

+ Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền phạt chậm trả là 382.540.983 đồng.

[11] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối khoản tiền phạt chậm trả mà nguyên đơn đã xin rút tại phiên tòa.

+ Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản bảo đảm đứng tên bà Trương Thị G và ông Nguyễn Văn K.

[12] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản bảo đảm của Trương Thị G và ông Nguyễn Văn K, do đã hoàn thành nghĩa vụ. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối yêu cầu của TPBank, không yêu cầu Tòa án xem xét tài sản bảo đảm của Trương Thị G và ông Nguyễn Văn K.

+ Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm và tính hợp pháp của hợp đồng chế chấp tài sản:

[13] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02220311/HĐTC-BĐS/HP.11ngày 22/3/2011 được ký giữa các chủ thể là đại diện của TPBank, ông Nguyễn Quốc Tvà bà Bùi Thị L có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện; mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự 2005. Về hình thức, hợp đồng thế chấp được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên môi trường quận Hải An, thành phố Hải Phòng là phù hợp Điều 343 của Bộ luật Dân sự 2005; điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật Đất đai năm 2003 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do vậy, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

+ Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quốc T:

[14] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Quốc Tđề nghị TPBank được nộp số tiền 1.700.000.000 đồng và đề nghị được giải chấp tài sản bảo đảm. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02220311/HĐTC-BĐS/HP.11 ngày 22/3/2011 được ký giữa TPBank, ông Nguyễn Quốc Tvà bà Bùi Thị L ký kết tự nguyện, thời điểm ký hoàn toàn minh mẫn được Văn phòng Công chứng Hải Phòng chứng nhận ngày 23/11/2011 là phù hợp với quy định của pháp luật: Tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp tài sản quy định: "*Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm đối với các khoản nợ gốc và/hoặc số dư bảo lãnh và/hoặc số tiền cấp tín dụng (chưa kể tiền lãi, phí và các khoản phải trả khác) tại một thời điểm không vượt quá 2.000.000.000 đồng*". Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn Quốc Tđề nghị TPBank được nộp số tiền 1.700.000.000 đồng và đề nghị được giải chấp tài sản bảo đảm là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[15] Như vậy, nghĩa vụ bảo đảm mà ông Nguyễn Quốc Tvà bà Bùi Thị L phải chịu trách nhiệm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02220311/HĐTC-BĐS/HP.11 ngày 22/3/2011 tại thời điểm không vượt quá 2.000.000.000 đồng (chưa kể lãi, phí, các khoản phải trả khác).

+ Xét đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T về việc thuê nhà là thỏa thuận cá nhân, nếu có phát sinh Công ty sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác và Công ty không có liên quan gì đến vụ án:

[16] Diện tích đất 100m^2 và tài sản gắn liền với đất; tại tờ bản đồ số 02; thửa đất số 82; tại địa chỉ: Xã Đông Hải, huyện An Hải , thành phố Hải Phòng (nay là số 144 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng), mặc dù ông T cho Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T thuê để sử dụng làm văn phòng từ ngày 01/4/2019. Nhưng, đây là tài sản bảo đảm đã được vợ chồng ông T, bà L sử dụng bảo đảm cho khoản vay của Doanh nghiệp tại TPBank từ thời điểm trước khi cho Công ty Thông Minh thuê nhà và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Trong trường hợp Doanh nghiệp không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho TPBank và phải xử lý kê biên phát mại tài sản tài sản bảo đảm trên thì Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 301 của Bộ luật Dân sự.

+ Về án phí:

[17] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 117.687.309 (một trăm mười bảy triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm linh chín) đồng. Trả lại cho Ngân hàng số tiền

tạm ứng án phí đã nộp là 58.634.366 (năm mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn, ba trăm sáu mươi sáu) đồng theo biên lai số 0005872 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

[17] Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: "*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, cần áp dụng Án lệ 08/2016/AL để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 121, 122, 124, 319, 348, 351, 355, 388, 389, 471, 474, 478, của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 183; khoản 3, khoản 4 Điều 185 của Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01220311CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 22/3/2011 là: 9.687.309.419 (chín tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm linh chín nghìn, bốn trăm mười chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 150.663.585 đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 7.536.645.833 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P không trả được nợ được cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản tài sản bảo đảm sau của ông Nguyễn Quốc Tvà bà Bùi Thị L để thu hồi nợ. Tài sản đảm bảo sau được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc cho đến thời điểm Doanh nghiệp Tư nhân P thanh toán xong cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T là: Toàn bộ diện tích 100 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây lệch tường, phía trước 01 tầng mái bằng, phía sau là nhà 02 tầng lợp tôn của thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ: Xã Đông Hải, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là số 144 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) đứng tên ông Nguyễn Quốc T(Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số SOA 880679 do Uỷ ban nhân dân huyện An Hải, thành phố Hải Phòng cấp ngày

19/6/1993 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng).

1.3. Trong trường hợp Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và phải xử lý kê biên phát mại tài sản tài sản bảo đảm, thì Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản là: Toàn bộ diện tích 100m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây lệch tường, phía trước 01 tầng mái bằng, phía sau là nhà 02 tầng lợp tôn của thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ: Xã Đông Hải, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là số 144 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) đứng tên ông Nguyễn Quốc Ttheo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

1.4. Sau khi phát mại tài sản bảo đảm trên của ông Nguyễn Quốc Tvà bà Bùi Thị L, nếu số tiền thu được còn thừa thì trả lại cho ông T và bà L; nếu thiếu thì bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P tiếp tục phải có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P về khoản tiền phạt chậm trả tính đến ngày 18/10/2019 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01220311CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 22/3/2011 là 382.540.983 (ba trăm tám mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, chín trăm tám mươi ba) đồng.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T về tài sản bảo đảm là nhà đất tại thửa đất số: 487; tờ bản đồ số 10; diện tích: 837 m^2, tại địa chỉ: Thôn Sâm Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC057913, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00362-KT-08-Q1 do Uỷ ban nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/11/2005 đứng tên bà Trương Thị G.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 117.687.309 (một trăm mười bảy triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm linh chín) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.634.366 (năm mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn, ba trăm sáu mươi sáu) đồng theo biên lai số 0005872 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P; ông Nguyễn Quốc T; bà Bùi Thị L; Công ty Cổ phần Liên kết Vận tải T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Bích Phượng